

An Giang, ngày 05 tháng 02 năm 2026

**BẢN TIN DỰ BÁO, CẢNH BÁO THỦY VĂN THỜI HẠN NGẮN
TỈNH AN GIANG**

1. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua:

Mức nước trên các sông, kênh, rạch trong phạm vi tỉnh trong 24 giờ qua chịu ảnh hưởng chế độ dòng chảy sông Mekong, thủy triều vùng hạ lưu và quy trình vận hành hệ thống công trình thủy lợi nội vùng, diễn biến xu thế mức nước trên sông Tiền, sông Hậu xuống theo triều, khu vực nội đồng mức nước biến đổi chậm.

- Khu vực thượng nguồn sông Mekong (Kratie): Mức nước xuống chậm.
- Khu vực đầu nguồn sông Cửu Long: Mức nước xuống theo triều, mức nước cao nhất ngày 04/02 ở mức cao hơn cùng kỳ năm 2025 và TBNN từ 25-40cm. Mức nước thấp nhất ở mức cao hơn cùng kỳ năm 2025 từ 05-30cm, thấp hơn TBNN từ 10-20cm.
- Vùng hạ lưu sông (Vàm Nao, Chợ Mới, Long Xuyên): Mức nước xuống nhanh, mức nước cao nhất ngày 04/02 cao hơn cùng kỳ năm 2025 và TBNN từ 25-75cm. Mức nước thấp nhất hầu hết ở mức xấp xỉ và thấp hơn cùng kỳ 2025 và TBNN từ 05-10cm.
- Khu vực nội đồng Tứ giác Long Xuyên (TGLX): Mức nước trên các kênh, rạch biến đổi chậm; mức nước cao nhất và thấp nhất ngày 04/02 hầu hết ở mức xấp xỉ và cao hơn cùng kỳ năm 2025 và TBNN từ 05-35cm.
- Khu vực cửa sông: Mức nước trên sông Cái Lớn tại Xẻo Rô lên chậm, đỉnh triều cao nhất ngày 04/02 trên sông Cái Lớn tại Xẻo Rô ở mức 71cm, xuống 06cm so với đỉnh triều ngày hôm trước.

2. Dự báo, cảnh báo:

- Khu vực đầu nguồn sông Cửu Long: Mức nước trên các sông, kênh xuống chậm theo xu thế triều trong những ngày tới.
- Vùng hạ lưu sông tại Vàm Nao, Chợ Mới, Long Xuyên: Mức nước trên các sông, kênh, rạch xuống nhanh theo triều trong 5 ngày tới.
- Khu vực nội đồng TGLX: Mức nước trên các sông, kênh, rạch ít biến đổi trong 1-2 ngày đầu, sau đó xuống chậm trong những ngày tiếp theo.
- Khu vực cửa sông: Đỉnh triều cao nhất ngày trên sông Cái Lớn tại Xẻo Rô xuống chậm theo xu thế triều biến Tây trong những ngày tới.
- Khả năng xuất hiện các hiện tượng thủy văn nguy hiểm trong thời hạn dự báo: mặn trên các sông kênh theo triều xâm nhập sâu vào nội đồng.
- Khả năng tác động đến môi trường, điều kiện sống, cơ sở hạ tầng, các hoạt động kinh tế - xã hội: độ mặn 4‰ xâm nhập sâu vào nội đồng trên các sông, kênh có khả năng ảnh hưởng đến cây trồng.

3. Ghi chú:

Thông tin dự báo được đăng trên website: <http://kttv.angiang.gov.vn/thuy-van>
Thời gian ban hành bản tin tiếp theo: 11h30' ngày 6/2/2026
Tin phát lúc: 11h30'

**Người chịu trách nhiệm
ban hành bản tin**



Phạm Thị Diệu Ngọc

Phụ lục

Phụ lục 1: Bảng mực nước thực đo và dự báo các trạm

Bảng 1.1a: Mực nước thực đo và dự báo các trạm trong vùng ảnh hưởng triều

Đơn vị: cm

sông, kênh, rạch	Trạm	Cấp báo động lũ			Mực nước thực đo ngày 04/02						Dự báo mực nước cao nhất					Dự báo mực nước thấp nhất				
					Hmin			Hmax			05/2	06/2	07/2	08/2	09/2	05/2	06/2	07/2	08/2	09/2
		BĐI	BĐII	BĐIII	Trị số	So với cùng kỳ 2025	So với TBNN	Trị số	So với cùng kỳ 2025	So với TBNN										
Tiền	Tân Châu	350	400	450	17	8	-21	168	26	39	160	154	148	143	138	20	22	23	22	18
Ông Chường	Chợ Mới	200	250	300	2	3	-3	180	28	56	171	165	159	153	149	4	6	7	4	-3
Hậu	Khánh An	420	470	520	77	32	10	160	39	29	156	150	144	140	136	79	81	80	79	78
	Châu Đốc	300	350	400	13	4	-15	185	25	28	178	172	167	162	158	16	18	19	18	14
	Long Xuyên	190	220	250	2	-6	11	197	23	70	189	182	177	172	168	4	6	7	4	-3
Vàm Nao	Vàm Nao	250	290	330	2	1	-11	182	30	53	175	165	159	153	149	5	7	8	4	-4
Vĩnh Tế	Xuân Tô	300	350	400	27	16	1	55	19	5	57	56	54	53	51	29	28	26	24	22
	Vĩnh Gia	200	240	280	33	16	3	37	13	3	39	38	36	35	33	35	34	32	30	28
	Vĩnh Điều	170	200	230	42	15	4	46	13	0	48	47	45	44	42	44	43	41	39	37
T3	Vĩnh Phú	150	180	210	42	13	6	46	11	2	49	48	46	45	43	45	44	42	40	38
T5	Nông Trường	160	190	220	50	12	8	55	9	5	57	56	54	53	51	52	51	49	47	45
Tri Tôn	Tri Tôn	200	240	280	36	16	9	68	24	17	69	68	66	64	61	38	39	37	36	33
	Cô Tô	140	180	220	60	20	22	78	22	30	80	79	77	75	72	62	63	61	60	57
	Nam Thái Sơn	90	120	150	55	14	-	60	9	-	62	61	59	57	54	57	56	54	53	50
Tám Ngàn	Lò Gạch	170	210	250	31	14	9	40	15	12	43	44	43	41	39	33	36	35	33	30
Ba Thê	Vọng Thê	140	180	220	74	16	27	93	20	30	96	97	96	94	92	76	79	78	76	73
Núi Chóc Năng Gù	Vĩnh Hanh	190	230	270	80	25	26	132	32	42	135	136	135	133	131	82	85	84	82	79
Rạch Giá Long Xuyên	Núi Sập	140	180	220	64	14	11	90	19	17	89	88	85	82	78	65	64	62	59	56
	Tân Thành	120	150	180	62	15	18	74	18	14	73	72	69	66	62	63	62	60	57	54
Cái Sắn	Tân Hiệp	90	120	150	48	10	17	58	16	12	56	55	52	49	45	49	48	46	43	40
Kiên	Rạch Giá	70	80	90	16	14	23	41	12	3	44	43	42	40	38	15	13	11	9	7
Cái Lớn	Xẻo Rô	80	90	100	-15	11	8	71	-3	19	64	57	52	47	50	-13	-11	-13	-17	-23

Phụ lục 2: Đường quá trình diễn biến mực nước thực đo và dự báo các trạm





